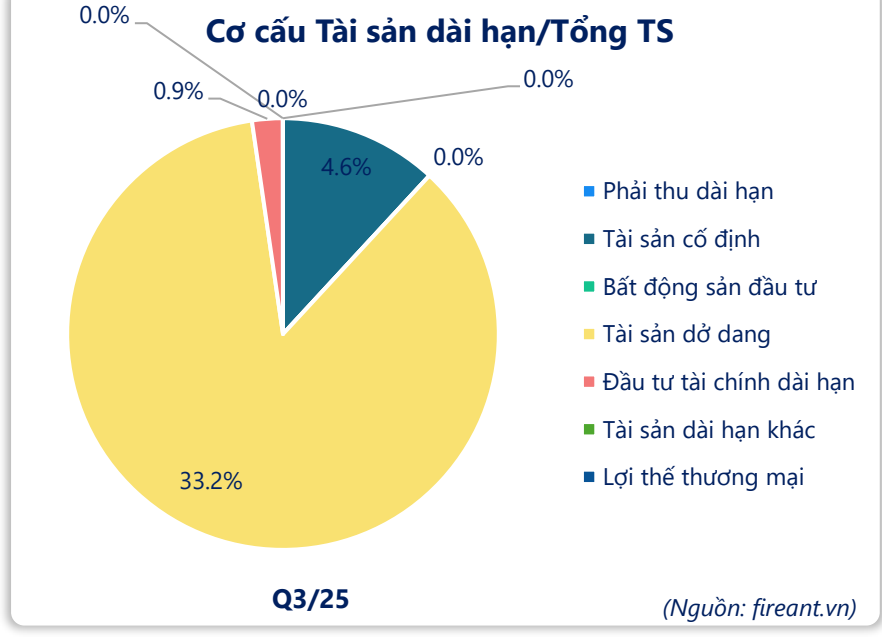
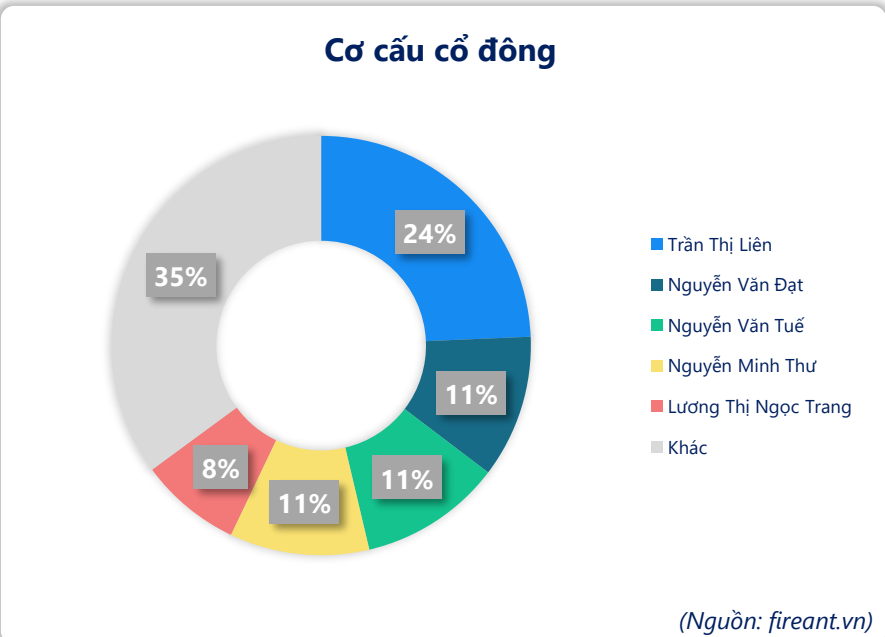
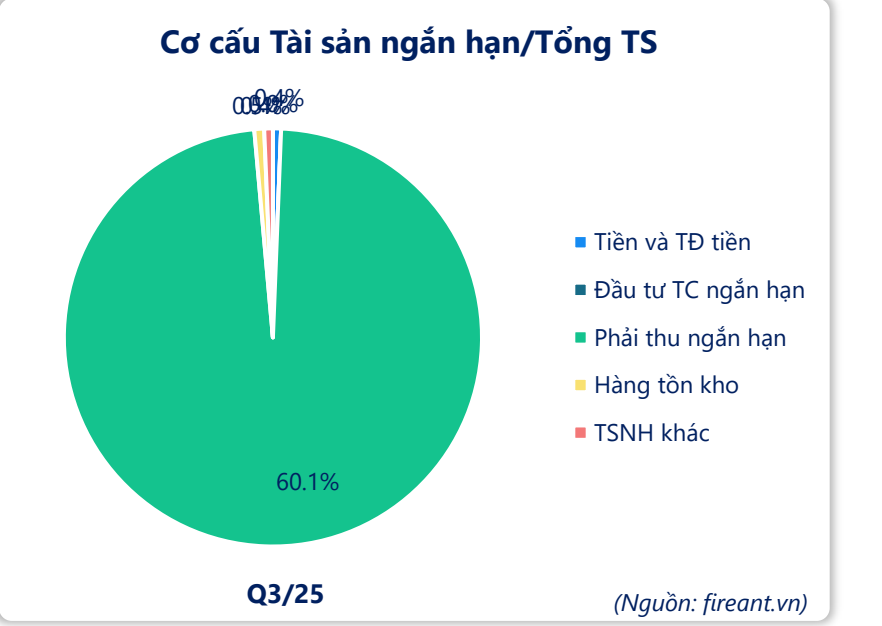
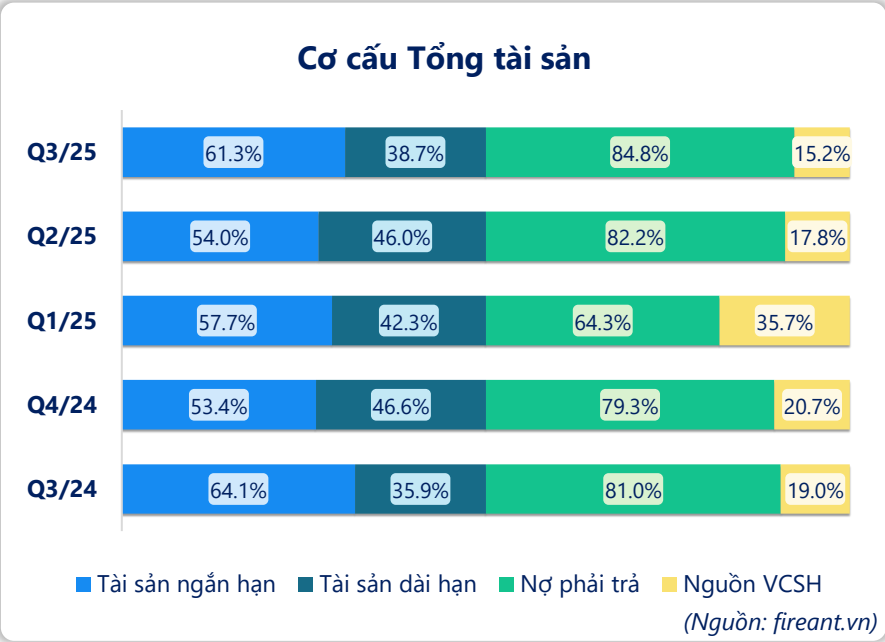
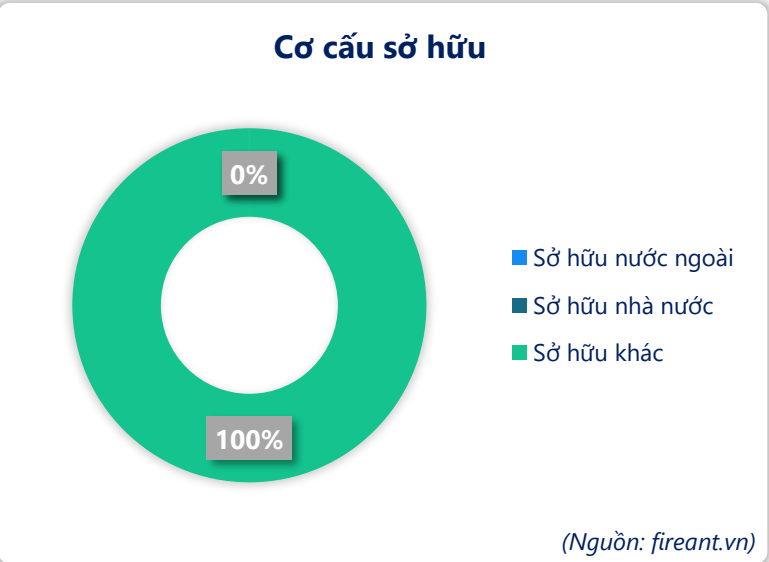
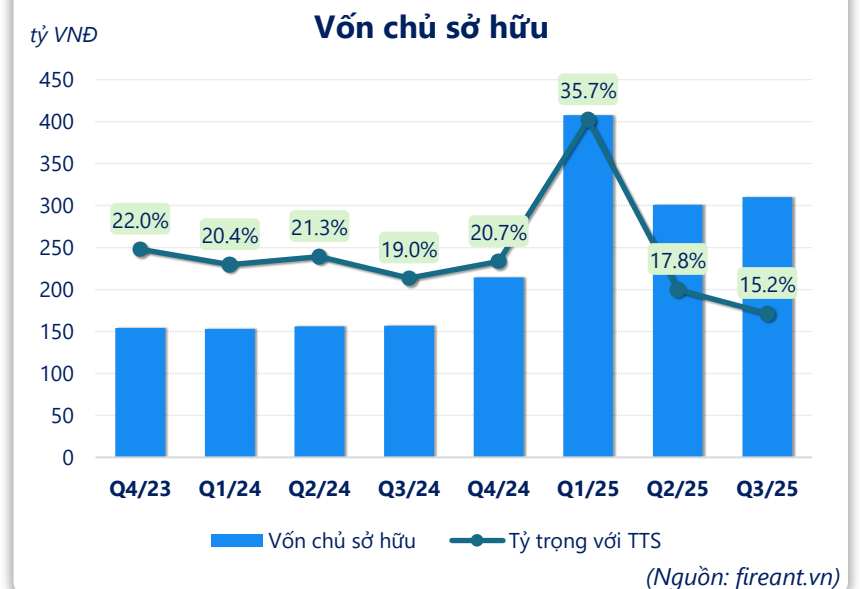
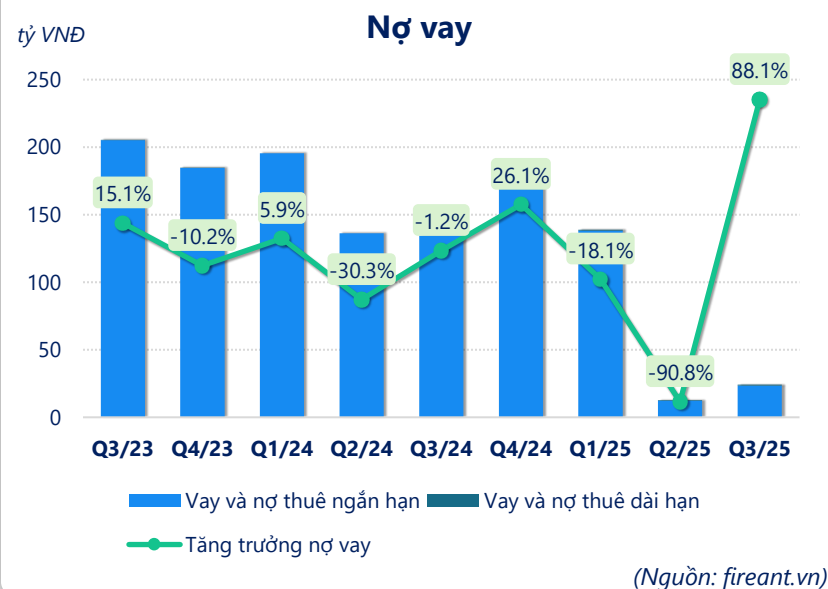
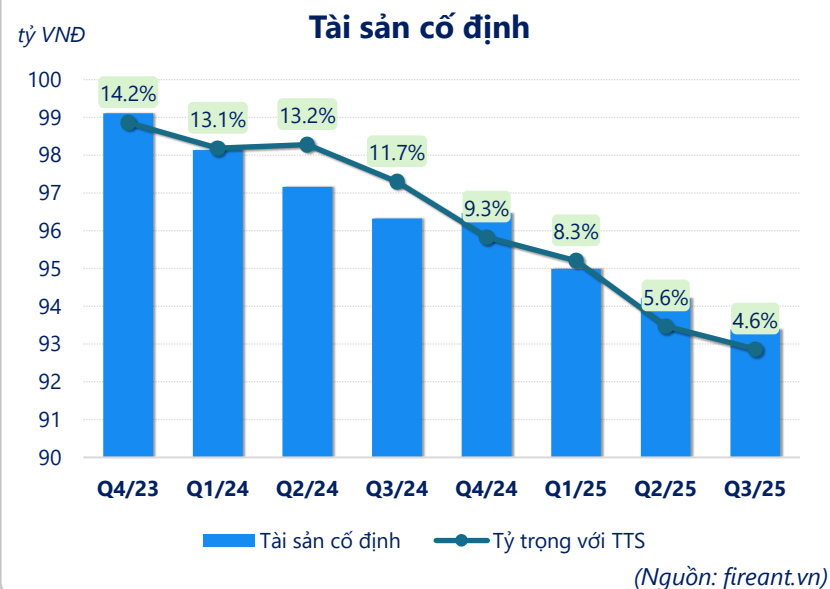
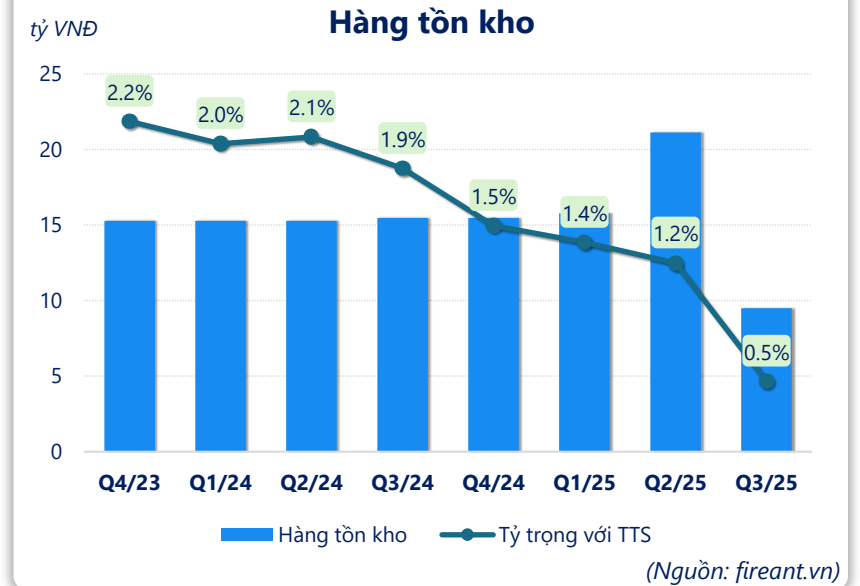
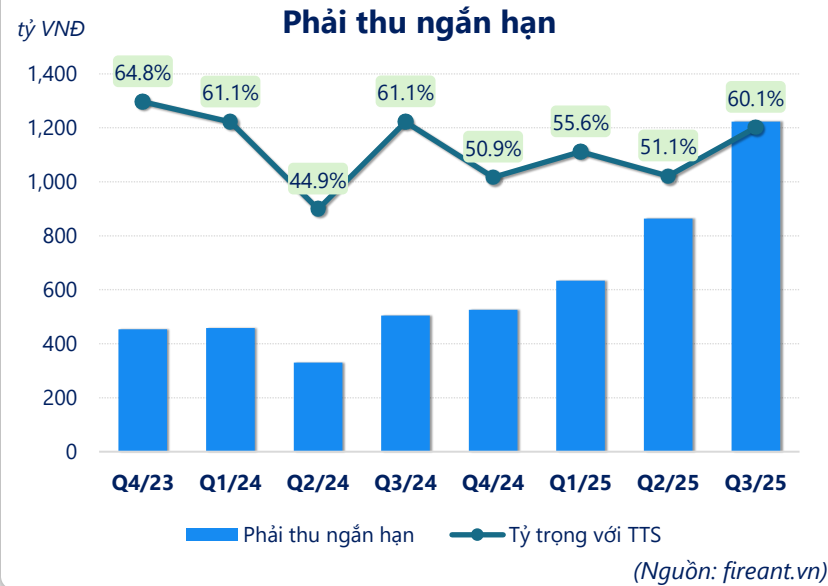
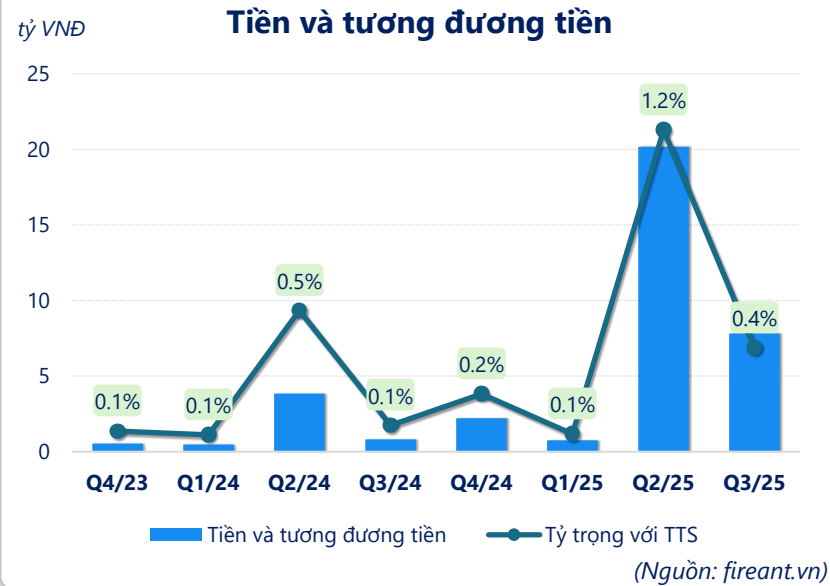
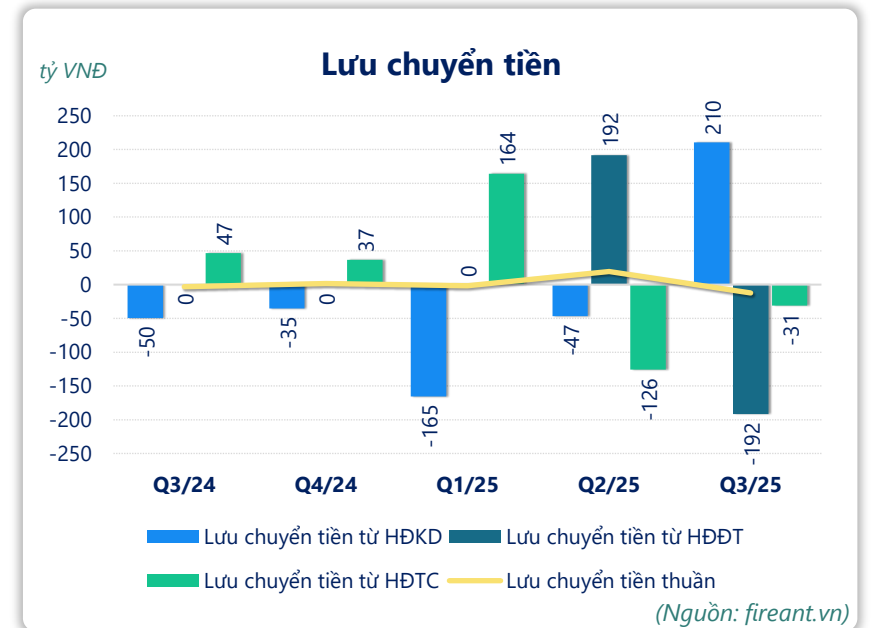
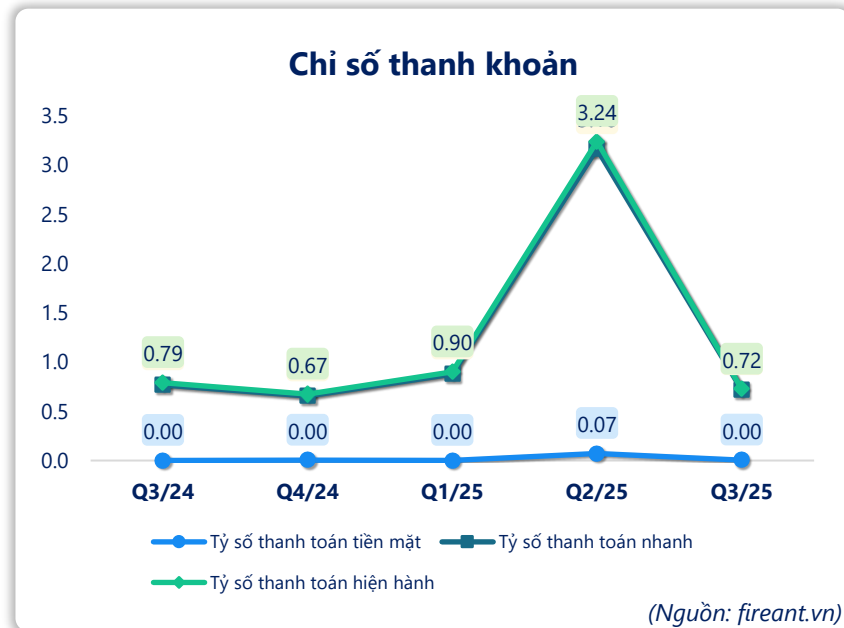
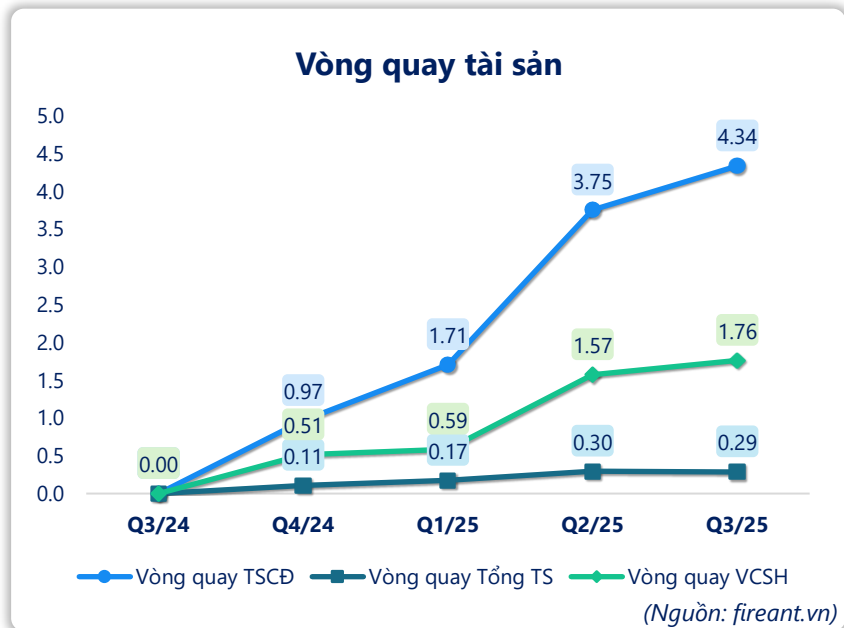
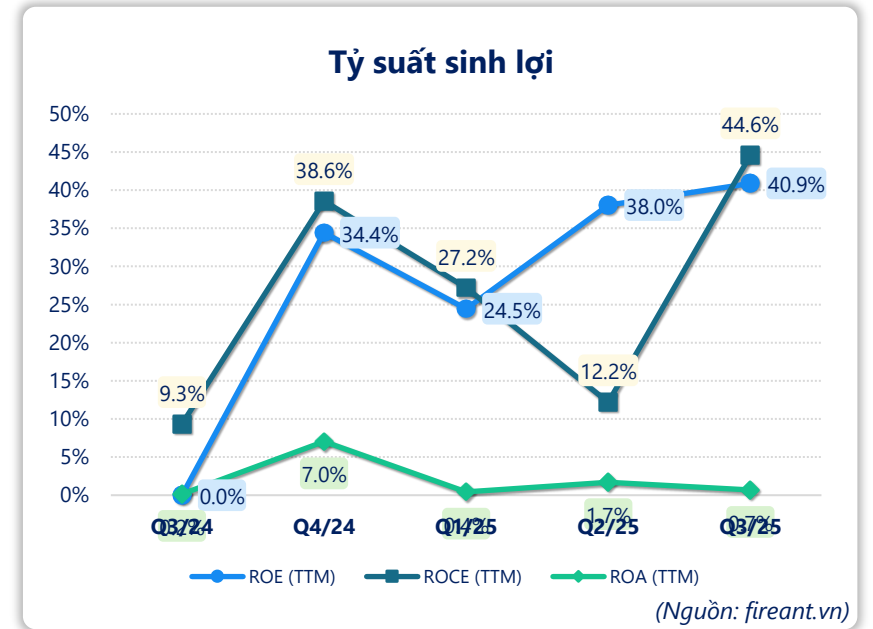
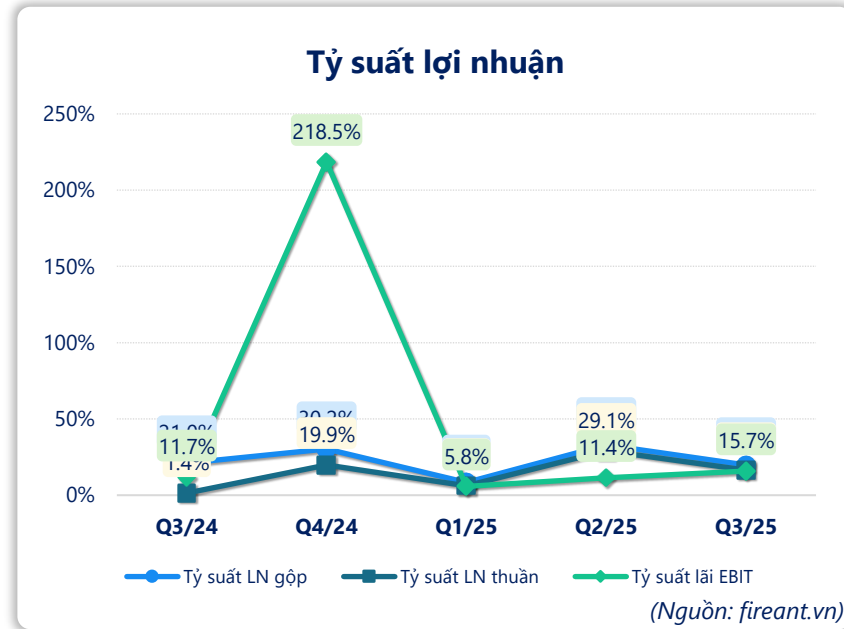
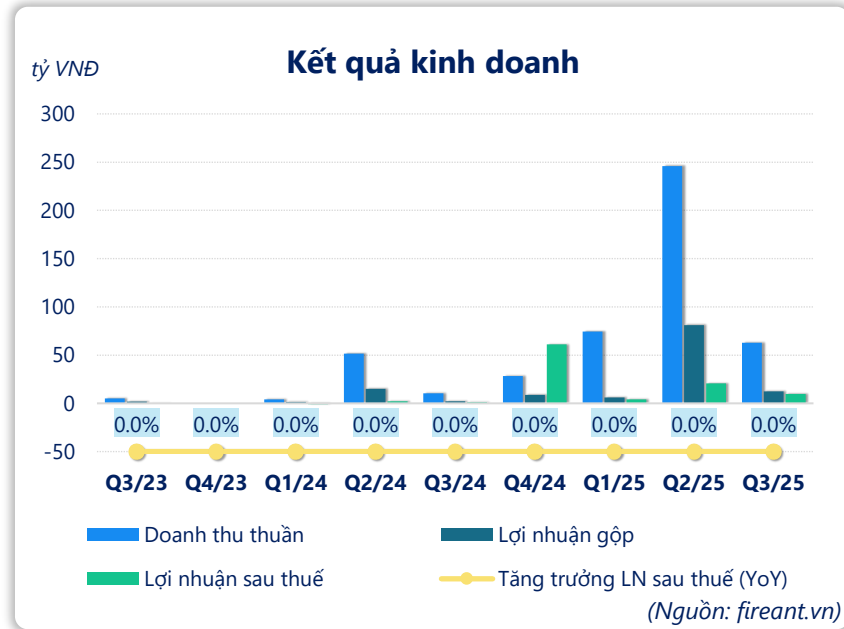


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,940
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,350
SL cổ phiếu LH		51,039,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)		148,135
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		456
P/E		4.8
EPS		1,869

	YTD	1T	3T	6T
CIG	8.5%	-10.2%	4.0%	-0.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,035	982	107%
Tài sản ngắn hạn	1,248	343	264%
Tiền và tương đương tiền	7.83	2.21	254%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,223	317	285%
Hàng tồn kho	9.49	15.5	-38.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.34	8.26	1.1%
Tài sản dài hạn	786	639	23.0%
Phải thu dài hạn	0	158	-100%
Tài sản cố định	93.4	95.9	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	675	386	75.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.02	389%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,725	774	123%
Nợ ngắn hạn	1,724	493	250%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.5	169	-86.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.3	90.9	-66.6%
Nợ dài hạn	0.63	281	-99.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.59	6.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	310	209	48.4%
Vốn chủ sở hữu	310	209	48.4%
Vốn điều lệ	510	315	61.8%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	10.5	28.4	74.3	246	62.7
Giá vốn hàng bán	8.28	19.8	68.1	165	50.3
Lợi nhuận gộp	2.21	8.58	6.23	81.1	12.4
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.01	0.01	0.01
Chi phí TC	0.05	1.11	0.05	6.98	0.06
Chi phí lãi vay	0.05	1.11	0.05	6.93	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.02	0.04	0.08	0.09
Chi phí QLDN	1.96	1.81	1.62	2.35	1.91
LN thuần từ HĐKD	0.15	5.65	4.53	71.7	10.4
Lợi nhuận khác	1.03	55.3	-0.29	-50.7	-0.54
LN trước thuế	1.18	61.0	4.24	21.0	9.81
Lợi nhuận sau thuế	1.18	61.0	4.24	20.8	9.81
LNST của CĐ cty mẹ	1.12	61.0	4.24	20.5	9.63

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-49.5	-35.4	-165	-46.6	210
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.26	-0.06	0.01	192	-192
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	46.8	36.8	164	-126	-31.0
Tiền đầu kỳ	3.84	0.81	2.21	0.75	20.2
Lưu chuyển tiền thuần	-3.03	1.40	-1.46	19.4	-12.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.81	2.21	0.75	20.2	7.83

(Nguồn: fireant.vn)